MỘT SỐ BIỂU HIỆN ẢNH HƯỞNG CỦA CHỦ NGHĨA HIỆN SINH TRONG THƠ NGUYỄN QUANG THIỀU

Nguyễn Thị Kim Hồng
Trường Đại học Tây Nguyên
Lê Thị Thanh Mai
Trường THCS - THPT Đông Du, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk

Tóm tắt: *Quá trình khám phá thế giới nghệ thuật trong thơ Nguyễn Quang Thiều không phải là một hành trình đơn giản, nhưng những sáng tác của ông luôn giữ một vị trí đặc biệt trong lòng độc giả. Những tác phẩm của nhà thơ thể hiện rõ nét những chủ đề sâu sắc về thân phận con người, những hình ảnh và ngôn ngữ thơ mà ông luôn nỗ lực thể nghiệm, tạo nên phong cách độc đáo riêng biệt. Thơ Nguyễn Quang Thiều là sự giao thoa giữa cuộc sống đời thường và những trăn trở, nỗi lo âu của con người trong xã hội hiện đại. Bài báo này nghiên cứu ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh trong thơ Nguyễn Quang Thiều nhằm làm rõ những đóng góp của ông đối với sự phát triển của nền văn học Việt Nam hiện đại.*

Từ khóa*: Chủ nghĩa Hiện sinh, Thơ hiện đại, Nguyễn Quang Thiều.*

Nhận bài ngày 25.03.2025; gửi phản biện, chỉnh sửa, duyệt đăng ngày 26.06.2025
Liên hệ tác giả: Nguyễn Thị Kim Hồng; email: nguyenkimhong504@gmail.com

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong nền văn học Việt Nam hiện đại, Nguyễn Quang Thiều là một trong những nhà thơ có ảnh hưởng sâu rộng, với những tác phẩm mang đậm dấu ấn nhân văn và tư tưởng hiện sinh. Ông đã và đang đóng góp một cách mạnh mẽ vào sự phát triển của thơ ca Việt Nam, đặc biệt trong những năm gần đây, với những sáng tác thể hiện rõ nét nỗi cô đơn, trăn trở, và những câu hỏi về số phận con người trong xã hội hiện đại. Tuy nhiên các công trình nghiên cứu về thơ Nguyễn Quang Thiều đã được thực hiện, nhưng việc tìm hiểu dấu ấn của chủ nghĩa hiện sinh trong thơ ông vẫn còn là một lĩnh vực cần được khám phá một cách đầy đủ hơn. Bài báo này phân tích biểu hiện của chủ nghĩa hiện sinh trong thơ Nguyễn Quang Thiều, một trong những nhà thơ tiêu biểu của nền thi ca đương đại Việt Nam. Dưới góc nhìn triết học hiện sinh, thơ ông thể hiện sự cô đơn, bất an, khát vọng tìm kiếm bản thể và sự phản tư về đời sống. Bài báo tập trung làm rõ cách Nguyễn Quang Thiều sử dụng hình ảnh, ngôn ngữ và cảm thức để diễn đạt những ý niệm hiện sinh trong sáng tác của mình.

2. NỘI DUNG

2.1. Vài nét về Chủ nghĩa hiện sinh

Chủ nghĩa hiện sinh, bắt nguồn từ triết học phương Tây, đặc biệt là từ các tác phẩm của Jean-Paul Sartre và Albert Camus, chủ yếu tập trung vào các vấn đề thân phận con người, sự tồn tại và hư vô trong cuộc sống hiện đại. Đây là một triết lý nhân văn, coi trọng tính độc đáo, tuyệt đối của con người và các vấn đề liên quan đến sự tự do, khủng hoảng, và sự cô đơn trong thế giới hiện đại. Trong văn học, chủ nghĩa hiện sinh đã ảnh hưởng đến rất nhiều nhà văn, nhà thơ từ phương Đông đến phương Tây, trong đó có Việt Nam. Chủ nghĩa hiện sinh là một trào lưu triết học và văn học ảnh hưởng sâu rộng đến nghệ thuật thế kỷ XX.

Chủ nghĩa hiện sinh đã trở thành một nguồn cảm hứng quan trọng trong văn học Việt Nam đương đại, đặc biệt khi nghiên cứu về những câu hỏi sâu sắc liên quan đến thân phận con người và sự tồn tại trong xã hội hiện đại. Theo cuốn *150 thuật ngữ văn học*, "Chủ nghĩa hiện sinh là khuynh hướng triết học hình thành trước Thế chiến I ở Nga (L. Lshestov, N.A. Bedyaev), sau Thế chiến I ở Đức (M. Heidergger, C. Japer, M. Buber), trong thời kỳ Thế chiến II ở Pháp (J.P. Sartre, Merleau-

Ponty, A. Camus, S. de Beauvoir), sau đó phổ biến ở các nước khác tại châu Âu và ở Hoa Kỳ [1, tr.75]. Bắt đầu là hiện tượng học thuần túy của Husserl, tiếp đến là hiện tượng học hiện sinh của M. Heidegger và sau đó là triết học hiện sinh của J.P. Sartre. Các nhà triết học đã có cái nhìn mới về con người với tư cách là chủ thể trong quan hệ với khách thể. Triết học hiện sinh đã xuất hiện như là triết học nhân sinh trong bối cảnh đổ vỡ và khủng hoảng trên nhiều lĩnh vực của đời sống ở phương Tây. Triết học hiện sinh mặc dù đã tiếp thu những quan điểm cơ bản của hiện tượng học, nhưng nó đã phát triển những quan điểm đó thành một học thuyết có ý nghĩa nhân văn sâu sắc về con người, nó kêu gọi con người chủ động dấn thân và nhập cuộc để vượt lên những lo âu và bất an thường trực thế giới phi lí. Triết học hiện sinh cho thấy nỗi lo âu và sự tha hóa là những hiện tượng đi cùng với nhau, cùng tăng lên hoặc giảm đi trong quá trình lịch sử nhân loại. Những nỗi lo âu, nỗi sợ có nguồn gốc xã hội do mối quan hệ giữa người với người ngày càng xấu đi.

Văn học hiện thực được xem là tấm gương nhận thức và phản ánh xã hội. Ngược lại chủ nghĩa hiện sinh chỉ quan tâm thân phận của cá nhân con người. Chủ nghĩa hiện sinh quan tâm đến những chủ đề liên quan số kiếp con người, nhìn cuộc đời con người là phi lý, là cô đơn, là bi kịch hoàn toàn trái ngược cái nhìn lạc quan cách mạng, do vậy, văn học hiện sinh bị phê phán. Sau năm 1986, trong điều kiện đất nước hội nhập nhưng con người phải đối mặt với mặt trái của cơ chế thị trường. Và đó là điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa hiện sinh xuất hiện trở lại. Tuy nhiên, các nhà văn, nhà thơ Việt Nam không phải là những nhà tư tưởng của chủ nghĩa hiện sinh. Họ chỉ muốn đưa một số ý tưởng nào đó của chủ nghĩa hiện sinh vào tác phẩm. Chiến tranh chống Mỹ kết thúc, đất nước được thống nhất. Tâm trạng con người vừa có niềm vui chiến thắng vừa phải đối mặt những mất mát trong chiến tranh. Từ đó con người có điều kiện nhìn nhận lại cuộc chiến và chính bản thân mình. Bối cảnh xã hội sau chiến tranh và thời kì đất nước bước vào hiện đại hóa dẫn đến sự xuất hiện của khuynh hướng hiện sinh và tư tưởng hiện sinh cũng được nhìn nhận đánh giá theo hướng khách quan, khoa học. Sự thay đổi hoàn cảnh xã hội kéo theo sự thay đổi về văn học. Sự thay đổi rõ nhất là ở quan niệm về con người hiện thực. Trước chiến tranh thân phận con người không được coi trọng. Sau chiến tranh, văn học quan tâm đến con người như một thực thể độc đáo, đa chiều, không chỉ có ý thức mà còn có vô thức, tiềm thức, không chỉ có khát vọng chung của tập thể mà còn có đời sống tình cảm riêng tư sâu kín. Yếu tố hiện sinh xuất hiện trong tiểu thuyết Việt Nam khi chạm tới vấn đề con người như một bản thể riêng biệt, như những hữu thể hiện tồn. Trước năm 1975, các chủ đề của trào lưu hiện sinh như cô đơn, âu lo, hoang mang, nổi loạn… đều được thể hiện rõ trong văn xuôi hiện sinh ở miền Nam. Một mặt, chủ nghĩa hiện sinh được đông đảo bạn đọc Sài Gòn đón nhận vì đã phần nào nói lên tâm trạng của một bộ phận người dân miền Nam lúc bấy giờ đang hoang mang mất phương hướng. Sau năm 1975, đặc biệt từ sau năm 1986 những biến đổi mạnh mẽ của đất nước sau chiến tranh đã đưa đến sự thay đổi về tư duy, về nhận thức, đi vào khám phá chiều sâu bên trong bản thể con người đã tạo tiền đề cho sự xuất hiện trở lại của chủ nghĩa hiện sinh. Chủ nghĩa hiện sinh được tầng lớp trí thức miền Nam đón nhận. Hàng loạt tờ tạp chí được dịch thuật từ các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa hiện sinh ở nước ngoài. Sau năm 1986, Việt Nam bước vào thời kỳ đổi mới. Hoàn cảnh lịch sử xã hội thay đổi kéo theo thay đổi về nhận thức tư duy, đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự tái xuất của chủ nghĩa hiện sinh. Năm 1986, nghị quyết Đại hội VI của Đảng đã đánh dấu sự đổi mới về tư duy của Đảng và toàn xã hội. Đây được xem là bước ngoặt quan trọng tác động một cách toàn diện đến ngữ cảnh sáng tạo của văn nghệ sĩ. Người nghệ sĩ được cởi trói và có điều kiện để sáng tạo với những tiếng nói mang dấu ấn riêng. Mặt khác, với quan điểm nhìn thẳng vào sự thật, chối bỏ lối viết minh họa và ca ngợi một chiều văn học mới, sáng tạo lại hiện thực trăn trở nhiều vấn đề cụ thể thiết thực trong đời sống xã hội. Nếu như trước đây văn học chỉ quan tâm đến chiều kích sử thi, ca ngợi chiến công, thì giờ đây, văn học hướng về những vấn đề thế sự, quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề đạo đức, nhân cách, lẽ sống, những góc khuất. Thậm chí văn học mạnh dạn đề cập đến những vấn đề trước đây văn học né tránh như vẻ đẹp phồn thực hay vấn đề dục tính với màu sắc nhân văn. Các công trình nghiên cứu về chủ nghĩa hiện sinh xuất phát từ nhiều góc độ. Có nhà phê bình phê phán văn học hiện sinh, cho rằng chủ nghĩa hiện sinh nói về sự mất niềm tin của con người, thậm chí còn cho là sự suy đồi của văn nghệ và chủ nghĩa hiện sinh là tư tưởng của giai cấp tư sản không đem lại niềm tin, niềm hi vọng vào cuộc sống thực tại. Nhà phê bình Đỗ Đức Hiểu (2000) cho rằng chủ nghĩa hiện sinh đượm màu bi quan yếm thế, sản sinh ra

những con người có lối sống yếu ớt bạc nhược về tinh thần. Tác giả chỉ trích khá gay gắt, thậm chí đã áp đặt gọi đó là tư tưởng thần bí. Nhiều người đã không ngần ngại phản đối tư tưởng của chủ nghĩa hiện sinh. Các tác giả cho rằng đó là chủ nghĩa mang đến cho con người cái nhìn bi quan về cuộc sống, tư tưởng gieo vào lòng người cảm giác bi quan, thất vọng về cuộc sống của chính mình. Bên cạnh đó cũng có những quan điểm bình tĩnh khách quan khi tiếp cận tư tưởng chủ nghĩa hiện sinh.

2.2. Một số biểu hiện Chủ nghĩa hiện sinh trong thơ Nguyễn Quang Thiều

Trong văn học Việt Nam, đặc biệt là thơ ca đương đại, khuynh hướng hiện sinh không chỉ là một phương tiện biểu đạt mà còn phản ánh những trăn trở của con người trước đời sống hiện đại. Nguyễn Quang Thiều, với phong cách thơ độc đáo và giàu chiều sâu triết lý, đã thể hiện những dấu ấn rõ nét của chủ nghĩa hiện sinh. Bài viết này nhằm khám phá các biểu hiện hiện sinh trong thơ ông. Cảm thức cô đơn và nỗi bất an hiện sinh trong thơ Nguyễn Quang Thiều khá rõ. Một trong những đặc điểm nổi bật của chủ nghĩa hiện sinh là sự cô đơn của cá nhân trước thế giới phi lý. Trong thơ Nguyễn Quang Thiều, hình tượng con người luôn mang nỗi cô đơn sâu thẳm, bị chia cắt giữa thực tại và khát vọng. Nguyễn Quang Thiều không ngừng đặt ra những câu hỏi về ý nghĩa của tồn tại. Các nhân vật trữ tình trong thơ ông dường như luôn bị giằng xé giữa thực tại đầy giới hạn và khát vọng hướng đến những giá trị siêu việt. Yếu tố này phản ánh sự ảnh hưởng của tư tưởng hiện sinh khi con người đứng trước sự phi lý của cuộc đời và nỗ lực đi tìm bản sắc riêng của mình. Chủ nghĩa hiện sinh nhấn mạnh đến sự hữu hạn của đời người và nỗi ám ảnh về cái chết. Hình ảnh cát bụi, bóng tối, những dòng sông trôi dạt... trong thơ ông là biểu tượng của sự hữu hạn, sự mong manh của kiếp người. Nhưng trong chính sự mong manh đó, ông lại tìm thấy vẻ đẹp và giá trị của sự sống. Nguyễn Quang Thiều đã tạo nên một thế giới thơ ca mang đậm dấu ấn hiện sinh, nơi con người đối diện với sự cô đơn, bất an, truy vấn bản thể và chiêm nghiệm về sự sống và cái chết. Thơ ông không chỉ giàu hình tượng mà còn thấm đẫm tinh thần triết học, khiến người đọc phải suy tư sâu sắc về chính mình. Từ đó, có thể thấy rằng, chủ nghĩa hiện sinh trong thơ Nguyễn Quang Thiều không chỉ là một ảnh hưởng mà còn là một thái độ sống, một cách ông đối diện với thực tại đầy phi lý và bí ẩn của kiếp người.

Thơ Nguyễn Quang Thiều mang đậm tính nhân văn, đặc biệt là khi nói đến những nỗi cô đơn, lo âu của con người trong xã hội hiện đại. Những sáng tác của ông phản ánh những trăn trở, suy tư về số phận con người, đặc biệt là những người lao động trong cuộc sống đời thường. Các hình ảnh và biểu tượng trong thơ Nguyễn Quang Thiều thường mang tính chất cụ thể và gắn liền với thực tế đời sống, nhưng lại được khắc họa một cách sâu sắc, thể hiện rõ nét những khía cạnh tồn tại của con người trong xã hội hiện đại. Những bài thơ của Nguyễn Quang Thiều, đặc biệt là trong các tập thơ nổi tiếng của ông, thể hiện sự chiêm nghiệm về những vấn đề vĩnh cửu của con người như cái chết, sự tồn tại, và những suy tư về ý nghĩa cuộc sống. Ông đặt câu hỏi về số phận của con người trong một thế giới đầy biến động, nơi mà con người không thể tìm thấy sự an yên trong những thách thức của cuộc sống. Một trong những điểm đặc biệt trong thơ Nguyễn Quang Thiều là sự lột tả những vấn đề triết học sâu sắc về con người, mà đặc biệt là những trăn trở về số phận. Con người hiện đại, trong tác phẩm của ông, không phải là những hình mẫu lý tưởng, mà là những cá thể sống trong một thế giới đầy biến động, nơi họ phải đối mặt với những khủng hoảng tinh thần và những câu hỏi không có lời đáp. Điều này không chỉ là sự phản ánh của một xã hội đương đại, mà còn là sự chiêm nghiệm của nhà thơ về sự tồn tại của con người trong một thế giới đầy bấp bênh. Nguyễn Quang Thiều thể hiện sự ám ảnh về sự ngắn ngủi của kiếp người, những biến đổi không ngừng của xã hội và sự mờ nhạt của các giá trị nhân văn trong cuộc sống hiện đại. Những câu hỏi về sự vô nghĩa của cuộc sống, về những nỗi lo âu vô hình và sự cô đơn thấm đẫm trong từng câu thơ của ông. Thông qua các tác phẩm của mình, nhà thơ không chỉ làm nổi bật những khía cạnh bi kịch của con người mà còn đề cập đến sự mâu thuẫn giữa con người và thế giới xung quanh. Cái tôi cá nhân trong thơ Nguyễn Quang Thiều không phải là cái tôi hào nhoáng, mà là một cái tôi nhạy cảm, dễ tổn thương, luôn phải đấu tranh với chính mình, tìm kiếm một ý nghĩa thực sự trong cuộc sống.

Chủ nghĩa hiện sinh, với những đặc trưng nổi bật như sự nhấn mạnh vào sự tự do cá nhân, sự chịu trách nhiệm trước sự tồn tại của chính mình, và cái nhìn bi kịch về cuộc sống, đã có ảnh hưởng sâu sắc đối với thơ Nguyễn Quang Thiều. Chủ nghĩa hiện sinh, đặc biệt là tư tưởng của Jean-Paul